ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Sư phạm Lịch sử - Địa lý
Khóa: 2026
Trình độ: Đại học
Hình thức đào tạo: Chính quy

(ban hành kèm theo Quyết định số 2495/QĐ-ĐHSP ngày 31 / 12/2025 của Hiệu trưởng)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
Khối kiến thức: GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			**26**	**304**	**86**		
1	31621549	Pháp luật đại cương	2	22	8		
2	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	21221904	
3	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(15)		
4	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(15)		
5	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(15)		
6	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(15)		
7	00201264	Giáo dục quốc phòng	(0)	(0)	(60)		
8	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8	21231902	
9	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
10	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8	21321901	
11	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	21221903	
12	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15		
		Học phần tự chọn	**10**	**135**	**15**		
13	31132001	*Công nghệ số cơ bản*	3	30	15		
14	41232001	*Tiếng Anh B1.1*	3	45	0		
15	41242002	*Tiếng Anh B1.2*	4	60	0		
Khối kiến thức: CƠ SỞ NGÀNH			**20**	**192**	**108**		
16	31821078	Cơ sở khảo cổ học	2	20	10		
17	31821421	Lịch sử văn minh thế giới	2	20	10		
18	32031255	Giáo dục học	3	30	15	32031719	
19	32031719	Tâm lý học giáo dục	3	32	13		
20	31921022	Bản đồ học đại cương	2	20	10		
21	31821079	Nhập môn Lịch sử và Địa lí	2	20	10		
22	32022212	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	15	15		
		Học phần tự chọn	**4**	**35**	**25**		
23	31821008	*Cộng đồng các dân tộc Việt Nam*	2	15	15		
24	31828088	*Dân số và phát triển*	2	20	10		
Khối kiến thức: CỐT LÕI NGÀNH			**70**	**630**	**540**		
25	31821849	Thực tế chuyên môn	2	0	60		
26	31838091	Đô thị thế giới và Việt Nam	3	30	15		
27	31931089	Địa lí kinh tế - xã hội thế giới	3	30	15	31931087	
28	31931087	Địa lí kinh tế - xã hội đại cương	3	30	15		
29	31831080	Lịch sử quan hệ quốc tế	3	30	15		
30	31821665	Các nền văn minh trên lãnh thổ Việt Nam	2	20	10		
31	31841618	Lịch sử thế giới cận - hiện đại	4	45	15	31831415	
32	31931181	Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam	3	30	15	31931089	
33	31841320	Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại	4	45	15	31831423	
34	31942146	Địa lí tự nhiên đại cương	4	45	15		
35	31831423	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	3	30	15		
36	31831415	Lịch sử thế giới cổ trung đại	3	30	15		
37	31931188	Địa lí tự nhiên Việt Nam	3	30	15	31931184	
38	31931184	Địa lí tự nhiên các lục địa	3	30	15	31942146	
39	31931407	Lịch sử chủ quyền lãnh thổ Việt Nam	3	30	15		
40	31931290	Hệ thống thông tin địa lí	3	25	20		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
41	31831411	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	3	30	15		
		Học phần tự chọn	**18**	**120**	**240**		
42	31921075	*Việt Nam với hội nhập nhập kinh tế quốc tế*	2	20	10		
43	31861099	*Khóa luận tốt nghiệp*	6	0	180		
44	31831888	*Tín ngưỡng và các tôn giáo ở Việt Nam*	3	30	15		
45	31821109	*Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam*	2	20	10		
46	31828090	*Các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam*	2	20	10		
47	31838791	*Môi trường và phát triển bền vững*	3	30	15		
Khối kiến thức: NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM			**35**	**232**	**383**		
48	32021273	Giao tiếp sư phạm	2	15	15		
49	31821672	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông	2	15	30		
50	31821085	Phát triển chương trình Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông	2	20	10		
51	31841098	Thực tập sư phạm	4	0	120	31821100	
52	31821100	Kiến tập sư phạm	2	0	60		
53	32032213	Tổ chức hoạt động giáo dục và trải nghiệm	3	25	20		
54	31828008	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	2	10	20		
55	31838072	Thực hành dạy học Lịch sử và Địa lí	3	15	30		
56	31838087	Đánh giá trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông	3	25	20	31848089	
57	31848089	Lí luận và phương pháp dạy học Lịch sử và Địa lí	4	30	15		
		Học phần tự chọn	**8**	**77**	**43**		
58	31621006	*Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp*	2	22	8		
59	31821088	*Biên soạn, giảng dạy Lịch sử và Địa lí địa phương*	2	15	15		
60	31921081	*Bản đồ giáo khoa*	2	20	10		
61	31828009	*Tích hợp trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông*	2	20	10		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO			**151**	**1358**	**1117**		
Tổng số tín chỉ bắt buộc			**111**	**991**	**794**		
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			**19**				

Lưu ý:

- Phải tích luỹ tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích luỹ toàn khoá học).

*- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.*

- Học phần giảng dạy bằng tiếng Anh là học phần có gắn ký hiệu chữ "A".

TRƯỞNG NGÀNH Trương Văn Canh

TRƯỞNG KHOA Nguyễn Duy Phương

HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Phan Đức Tuấn

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Ngành: Sư phạm Lịch sử - Địa lý
Khóa: 2026
Trình độ: Đại học
Hình thức đào tạo: Chính quy
(ban hành kèm theo Quyết định số 2495/QĐ-ĐHSP ngày 31 / 12 / 2025 của Hiệu trưởng)

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
1	00101265	Giáo dục thể chất 1	1	0	15		
	31821079	Nhập môn Lịch sử và Địa lí	2	20	10		
	31821421	Lịch sử văn minh thế giới	2	20	10		
	31921022	Bản đồ học đại cương	2	20	10		
	31942146	Địa lí tự nhiên đại cương	4	45	15		
	32031719	Tâm lý học giáo dục	3	32	13		
		Số tín chỉ trong kỳ	**13**	**137**	**58**		
2	00101266	Giáo dục thể chất 2	1	0	15		
	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
	31831415	Lịch sử thế giới cổ trung đại	3	30	15		
	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15		
	31931184	Địa lí tự nhiên các lục địa	3	30	15	31942146	
	32031255	Giáo dục học	3	30	15	32031719	
		Số tín chỉ trong kỳ	**15**	**150**	**75**		
3	00201264	Giáo dục quốc phòng	0	0	60		
	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8	21231902	
	31831423	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	3	30	15		
	31931087	Địa lí kinh tế - xã hội đại cương	3	30	15		
		Học phần tự chọn					
	31132001	*Công nghệ số cơ bản*	3	30	15		
	31821008	*Cộng đồng các dân tộc Việt Nam*	2	15	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	**13**	**127**	**68**		
4	00101267	Giáo dục thể chất 3	1	0	15		
	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8	21321901	
	31621549	Pháp luật đại cương	2	22	8		
	31821078	Cơ sở khảo cổ học	2	20	10		
	31841618	Lịch sử thế giới cận - hiện đại	4	45	15	31831415	
		Học phần tự chọn					
	31831888	*Tín ngưỡng và các tôn giáo ở Việt Nam*	3	30	15		
	31838791	*Môi trường và phát triển bền vững*	3	30	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	**16**	**169**	**71**		
5	00101268	Giáo dục thể chất 4	1	0	15		
	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	21221903	
	31841320	Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại	4	45	15	31831423	
	31931089	Địa lí kinh tế - xã hội thế giới	3	30	15	31931087	
	32022212	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	15	15		
		Học phần tự chọn					
	31828090	*Các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam*	2	20	10		
	41232001	*Tiếng Anh B1.1*	3	45	0		
		Số tín chỉ trong kỳ	**16**	**176**	**64**		
6	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	21221904	
	31831080	Lịch sử quan hệ quốc tế	3	30	15		
	31931188	Địa lí tự nhiên Việt Nam	3	30	15	31931184	
	32021273	Giao tiếp sư phạm	2	15	15		
		Học phần tự chọn					
	31828088	*Dân số và phát triển*	2	20	10		
	41242002	*Tiếng Anh B1.2*	4	60	0		
		Số tín chỉ trong kỳ	**16**	**177**	**63**		

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
7	31831411	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	3	30	15		
	31848089	Lí luận và phương pháp dạy học Lịch sử và Địa lí	4	30	15		
	31931181	Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam	3	30	15	31931089	
		Học phần tự chọn					
	31828009	*Tích hợp trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông*	2	20	10		
	31921075	*Việt Nam với hội nhập nhập kinh tế quốc tế*	2	20	10		
		Số tín chỉ trong kỳ	**14**	**130**	**65**		
8	31821085	Phát triển chương trình Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông	2	20	10		
	31931290	Hệ thống thông tin địa lí	3	25	20		
	31931407	Lịch sử chủ quyền lãnh thổ Việt Nam	3	30	15		
		Học phần tự chọn					
	31821088	*Biên soạn, giảng dạy Lịch sử và Địa lí địa phương*	2	15	15		
	31821109	*Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam*	2	20	10		
		Số tín chỉ trong kỳ	**12**	**110**	**70**		
9	31821849	Thực tế chuyên môn	2	0	60		
	31828008	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	2	10	20		
	31838087	Đánh giá trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông	3	25	20	31848089	
	32032213	Tổ chức hoạt động giáo dục và trải nghiệm	3	25	20		
		Học phần tự chọn					
	31621006	*Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp*	2	22	8		
	31921081	*Bản đồ giáo khoa*	2	20	10		
		Số tín chỉ trong kỳ	**14**	**102**	**138**		
10	31821100	Kiến tập sư phạm	2	0	60		
	31821665	Các nền văn minh trên lãnh thổ Việt Nam	2	20	10		
	31821672	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông	2	15	30		
	31838072	Thực hành dạy học Lịch sử và Địa lí	3	15	30		
	31838091	Đô thị thế giới và Việt Nam	3	30	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	**12**	**80**	**145**		
11	31841098	Thực tập sư phạm	4	0	120	31821100	
		Học phần tự chọn					
	31861099	*Khóa luận tốt nghiệp*	6	0	180		
		Số tín chỉ trong kỳ	**10**	**0**	**300**		

Lưu ý:

- Phải tích luỹ tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích luỹ toàn khoá học).

*- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.*

- Học phần giảng dạy bằng tiếng Anh là học phần có gắn ký hiệu chữ "A".

TRƯỞNG NGÀNH Trương Văn Cảnh

TRƯỞNG KHOA Nguyễn Duy

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TS. Phan Đức Tuấn